



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2019

Ngành: **NGÔN NGỮ ANH**

Chuyên ngành: **Quốc tế học**

Mã số ngành: **7220201**

Tổng khối lượng kiến thức: **133** tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	64	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			37	49	0	0	0	0	
I.1. Các học phần lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
3	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
4	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			9	9	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
I.5. Các học phần khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			9	9	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
2	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
3	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần tổ chất cá nhân chung			3	18	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		3					
2	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1		3					
3	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		3					KOR201
2	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2		3					JAP201
3	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2		3					CHI203
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	CUL201	Văn hoá Đông Nam Á		3					

2	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	3					
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt		3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>							
1	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
2	ACC201	Kế toán đại cương							
3	ECO201	Kinh tế học đại cương							
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	94	1	19	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			9	7	1	1	0	0	
1	ENG312	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học	2	1	1				
2	ENG313	Trải nghiệm ngành, nghề Quốc tế học	1			1			
3	ENG314	Văn hoá Anh Mỹ	3	3					ENG429
4	ENG315	Văn hoá trong giao tiếp	3	3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			54	87	0	18	0	12	
II.2a. Phần bắt buộc			48	81	0	18	0	12	
1	ENG454	Quan hệ công chúng	3	3					
2	ENG455	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	3	3					ENG433
3	ENG456	Đàm phán quốc tế 1	3	3					
4	ENG457	Đàm phán quốc tế 2	3	3					
5	ENG427	Tiếng Anh đọc 1	3	3					
6	ENG428	Tiếng Anh đọc 2	3	3					ENG427
7	ENG429	Tiếng Anh đọc 3	3	3					ENG428
8	ENG430	Tiếng Anh nghe-nói 1	3	3					
9	ENG431	Tiếng Anh nghe-nói 2	3	3					ENG431
10	ENG432	Tiếng Anh nghe-nói 3	3	3					ENG432
11	ENG433	Tiếng Anh nghe-nói 4	3	3					ENG433
12	ENG434	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3	3					
13	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	3					ENG435
14	ENG437	Tiếng Anh viết 1	3	3					
15	ENG438	Tiếng Anh viết 2	3	3					ENG438
16	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3	3					ENG439
II.2b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	ENG458	Lịch sử quan hệ quốc tế		3					
2	ENG459	Các vấn đề toàn cầu		3					
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	ENG460	Chính sách đối ngoại		3					
2	SKL401	Chiến thuật giao tiếp trong Tiếng Anh		3					
II.3. Học phần thực tập			21	0	0	9	0	0	
1	ENG461	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/Quan hệ Quốc tế	4			4			
2	ENG509	Thực tập tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh/Quan hệ Quốc tế	5			5			
3	ENG510	Khóa luận tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh/Quan hệ Quốc tế	12						12
		<i>(Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>	12	12					
1	ENG440	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3	3					
2	ENG462	Quan hệ quốc tế	3	3					
3	ENG463	Văn hóa ngoại giao	3	3					
4	ENG441	Thư tín thương mại	3	3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8	6	2				

2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							